TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2019/QĐST-HNGĐ	*Đồ Sơn, ngày 01 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Phạm Như Q, nơi cư trú: Số A đường T, tổ Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Anh Phạm Văn T, nơi cư trú: Số A đường T, tổ Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Như Q và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 25-02-2010. Chị Q và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do anh, chị luôn bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về phương pháp nuôi dạy và chăm sóc con cái. Càng ngày, mâu thuẫn giữa chị Q và anh T càng trầm trọng hơn, cãi nhau nhiều hơn, thậm chí đã nhiều lần xảy ra xô xát; tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, bỏ mặc cuộc sống của nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng. Sau khi sinh con thứ hai, chị Q và anh T đã sống ly thân, tuy sống chung một nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, việc ai người ấy làm. Cả chị Q và anh T đều đã cố gắng chung sống vì các con nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thể cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn trước. Xét thấy,

tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; việc chị Q và anh T thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản hòa giải, đối thoại thành ngày 24 tháng 01 năm 2019 là có căn cứ cần được công nhận.

[2] Về con chung: Chị Q và anh T có hai 02 con chung là Phạm Thị Gia L, sinh ngày 24-05-2011 và Phạm Gia L1, sinh ngày 16-09-2016. Chị Q và anh T thỏa thuận giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu L1 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc đến khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, cả chị Q và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con; cháu L có nguyện vọng được sống cùng với bố sau khi bố, mẹ ly hôn; việc thỏa thuận nuôi con của chị Q và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu L và đảm bảo quyền lợi của cháu L và cháu L1 nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Q và anh T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Q và anh T thỏa thuận để chị Q nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cần công nhận sự thỏa thuận của chị Q và anh T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Như Q và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Q và anh T thỏa thuận giao cháu Phạm Thị Gia L, sinh ngày 24 tháng 05 năm 2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Gia L1, sinh ngày 16 tháng 09 năm 2016 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Q và anh T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Q nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, theo Biên lai số: 0006934 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị Q đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND xã Hồng Minh, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Trường